

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 4 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 12, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH NAI

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Thị Ngọc Ánh	01	54	7,5	Bảy rưỡi	
2	Vương Thị Ngọc Ánh	02	15	7,0	Bảy	
3	Đặng Quốc Bảo	03	31	7,0	Bảy	
4	Lê Thị Bích	04	17	8,0	Tám	
5	Hoàng Thị Thanh Bình	05	42	8,0	Tám	
6	Ma Văn Bưởi	06	23	7,0	Bảy	
7	Trần Minh Châm	07	40	8,0	Tám	
8	Lý Văn Chi	08	36	6,5	Sáu rưỡi	
9	Lý Hoàng Chung	09	52	7,5	Bảy rưỡi	
10	Lê Thị Cúc	10	72	7,5	Bảy rưỡi	
11	Lương Sỹ Cương	11	33	6,5	Sáu rưỡi	
12	Nông Văn Dũng	12	41	7,5	Bảy rưỡi	
13	Nông Quang Duy	13	69	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Duyên	14	61	7,5	Bảy rưỡi	
15	Đinh Thị Thanh Duyên	15	18	8,0	Tám	
16	Vương Thị Diệp	16	73	7,5	Bảy rưỡi	
17	Trương Kiên Định	17	53	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Văn Đông	18	35	7,0	Bảy	
19	Nông Thị Hồng Gấm	19	83	7,5	Bảy rưỡi	
20	Lê Thị Hà	20	81	7,0	Bảy	
21	La Thị Bắc Hà	21	07	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Lưu Vũ Hải Hà	22	48	7,0	Bảy	
23	Lê Thị Hiền	23	59	7,0	Bảy	
24	Nguyễn Thị Thu Hiền	24	49	8,0	Tám	
25	Ma Thị Kim Hòa	25	67	7,5	Bảy rưỡi	
26	Trần Xuân Học	26	24	8,0	Tám	
27	Lý Văn Học	27	70	7,0	Bảy	
28	Nguyễn Thị Hồng	28	62	7,0	Bảy	
29	Lý Văn Hồng	29	77	7,5	Bảy rưỡi	
30	Long Thị Thanh Huệ	30	66	7,0	Bảy	
31	Dương Thị Huệ	31	11	7,0	Bảy	
32	Phạm Thị Mai Hương	32	65	7,5	Bảy rưỡi	
33	Chu Thị Thu Hương	33	55	7,5	Bảy rưỡi	
34	Trần Thị Hường	34	45	8,0	Tám	
35	Long Khánh Huy	35	78	7,0	Bảy	
36	Trần Văn Kết	36	58	7,0	Bảy	
37	Nguyễn Thị Khanh	37	32	7,5	Bảy rưỡi	
38	Nông Văn Khởi	38	26	7,0	Bảy	
39	Lương Thị Kiều	39	08	8,0	Tám	
40	Cao Thị Lan	40	34	7,5	Bảy rưỡi	
41	Ma Thị Nhật Lệ	41	03	7,5	Bảy rưỡi	
42	Lê Văn Liên	42	10	7,5	Bảy rưỡi	
43	Tô Thị Bích Linh	43	50	7,0	Bảy	
44	La Thị Loan	44	28	7,0	Bảy	
45	Liêu Văn Lựu	45	38	7,0	Bảy	
46	Lê Thị Mai	46	46	6,5	Sáu rưỡi	
47	Hoàng Thị Nga	47	43	7,5	Bảy rưỡi	
48	Lê Kim Ngân	48	60	7,0	Bảy	
49	Nguyễn Thị Ngân	49	64	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
50	Phạm Thị Nhung	50	71	7,0	Bảy	
51	Nông Thị Nụ	51	30	7,5	Bảy rưỡi	
52	Lê Thị Phương	52	68	7,5	Bảy rưỡi	
53	Hoàng Thị Lệ Quyên	53	29	7,0	Bảy	
54	Hoàng Đức Quyền	54	63	7,0	Bảy	
55	Trịnh Lực Sỹ	55	56	7,0	Bảy	
56	Hoàng Thị Tám	56	84	7,5	Bảy rưỡi	
57	Nguyễn Thị Minh Tâm	57	47	8,0	Tám	
58	Hà Văn Tân	58	74	7,0	Bảy	
59	Nông Thị Thái	59	80	7,5	Bảy rưỡi	
60	Hoàng Thanh Thái	60	21	8,0	Tám	
61	Lê Văn Thành	61	22	6,5	Sáu rưỡi	
62	Hoàng Văn Thành	62	75	7,5	Bảy rưỡi	
63	Nông Thị Thiệp	63	13	7,5	Bảy rưỡi	
64	Hoàng Văn Thiều	64	09	6,5	Sáu rưỡi	
65	Nguyễn Thị Thơm	65	82	7,5	Bảy rưỡi	
66	Mai Thanh Thư	66	39	7,5	Bảy rưỡi	
67	Hoàng Thị Thùy	67	37	7,5	Bảy rưỡi	
68	Hứa Phương Thùy	68	44	7,5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Văn Tiến	69	25	7,0	Bảy	
70	Hà Quang Tiền	70	14	7,0	Bảy	
71	Trần Thị Thu Trang	71	79	7,5	Bảy rưỡi	
72	Hà Xuân Trinh	72	27	7,5	Bảy rưỡi	
73	Hoàng Minh Trọng	73	51	8,0	Tám	
74	Hoàng Quốc Trung	74	20	7,0	Bảy	
75	Nguyễn Anh Tuấn	75	02	7,0	Bảy	
76	Đỗ Đức Tuấn	76	16	7,0	Bảy	
77	Đồng Thị Thanh Tùng	77	05	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
78	Phan Thị Hồng Vân	78	57	6,5	Sáu rưỡi	
79	Ma Thanh Vân	79	12	7,5	Bảy rưỡi	
80	Hoàng Thị Vân	80	06	7,0	Bảy	
81	Lê Thị Tường Vi	81	76	8,0	Tám	
82	Ma Thị Viên	82	01	7,5	Bảy rưỡi	
83	Nguyễn Trọng Vũ	83	19	7,5	Bảy rưỡi	
84	Hà Thị Vững	84	04	7,5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XĐĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên